

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/HS-PT

Ngày: 12 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Lê Xuân T, do có kháng cáo của bị cáo, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2019/HS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Xuân T, sinh năm 1985 tại H; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà x, Khóm x, Phường x, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số nhà x, KDC V, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang L (đã chết) và bà Đặng Thị C (đã chết); có vợ là Tăng Minh H và có 02 con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam: Không; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Cao Minh T, Luật sư Văn phòng luật sư C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/8/2010 anh Nguyễn Duy N được cha mẹ ruột là ông Nguyễn Duy N (đã chết năm 2014) và bà Nguyễn Thị S lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 6.741,6m². Ngày 17/8/2010 anh Nguyễn Duy N được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích 6.741,6m². Đến ngày 25/3/2013 anh N làm thủ tục xin tách thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích 6.741,6m² và ngày 27/3/2013 được Ủy ban nhân dân huyện L tách thành 02 thửa là thửa đất số x và thửa đất số x, trong đó thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích là 1.430,9m², trên đất có căn nhà cấp 4 mà bà Nguyễn Thị S đang ở.

Đến khoảng tháng 3/2015, anh N thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích là 1.430,9m² cho bị cáo Lê Xuân T để vay số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, do làm ăn thua lỗ nên anh N không có khả năng đóng lãi và trả vốn vay cho bị cáo T. Ngày 15/12/2015, anh N lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích là 1.430,9m² cho bị cáo T với số tiền là 120.000.000 đồng tại Văn phòng Công chứng P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 21/4/2016 bị cáo Lê Xuân T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số x, tờ bản đồ số x, diện tích là 1.430,9m², việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất không đến thực địa đo đạc, cắm mốc và bà S cũng không biết việc anh N chuyển nhượng diện tích đất 1.430,9m² cho bị cáo T; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số x trên không thể hiện có căn nhà cấp 4 tại số x, ấp L1, xã L2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp của bà Nguyễn Thị S. Riêng bị cáo T không thừa nhận có việc cho anh N vay số tiền 120.000.000 đồng, mà chỉ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giá 120.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 3/2017, bị cáo T đến nhà bà S yêu cầu bà S ra ngoài ở và dùng ổ khóa để khóa cửa nhà bà S lại nhằm không cho bà S vào nhà ở. Khoảng 01 tháng sau, bị cáo T đến nhà bà S thì gặp cửa nhà mở nên bị cáo T tiếp tục dùng ổ khóa để khóa cửa nhà không cho bà S vào nhà ở và bà S làm đơn tố giác gửi Công an xã L2 và Công an huyện L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L tiến hành làm việc với bị cáo T, đề nghị mở ổ khóa cho bà S vào nhà ở và đề nghị bị cáo T đến Tòa án khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự. Tuy nhiên, bị cáo T không thực hiện mà vào ngày 25/5/2018, bị cáo T thuê Phạm Thành Đ, Lê Trọng N, Đỗ Á T, Phan Đình N, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Phước K, Trần Văn C và Trần Ngọc T cùng cư trú ở thành phố S để đi tháo dỡ nhà cho bị cáo T. Sau đó bị cáo T dẫn Đ, N, T, N, L, K, C và T đi đến nhà bà Nguyễn Thị S tại số x, ấp L1, xã L2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, dùng búa và xà beng tháo dỡ phần nhà sau (nhà bếp) của bà S làm hư hỏng, không sử dụng được mái tole kẽm 24,4m², mái tole Fibroximăng 16,2m², vách ngăn trái bằng tole kẽm sóng tròn 15,66m², vách ngăn phía sau bằng ván gỗ 11,88m², vách ngăn trong nhà bằng ván gỗ 7,2m², 04 ống khói lò nấu ăn mỗi ống dài 01m đường kính 15cm. Trong lúc đang tháo dỡ nhà thì Công an xã L2 đến lập biên bản sự việc và mời

bị cáo T về trụ sở làm việc, đề nghị tạm ngưng ngay việc tháo dỡ nhà của bà S.

Ngày 12/7/2018, bị cáo T tiếp tục thuê Lê Trọng N, Phan Đình N, Lâm Thanh H, Nguyễn Phước K, Trần Văn C, Nguyễn Hoàng P và Trần Thị Huỳnh H đi tháo dỡ nhà cho bị cáo T. Bị cáo T dẫn N, N, H, K, C, P và H đi đến nhà bà Nguyễn Thị S, tiếp tục dùng búa và xà beng tháo dỡ phần khung nhà sau (nhà bếp) bằng gỗ của bà S, làm hư hỏng hoàn toàn phần khung nhà 23,96m² và bếp nấu ăn được xây bằng gạch ống có ốp gạch men chiều dài 2,2m, chiều rộng 0,92m, chiều cao 0,83m. Khi đang tiếp tục tháo dỡ thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đến lập biên bản phạm tội quả tang đối với bị cáo Lê Xuân T cùng những người làm thuê cho bị cáo T và tạm giữ tang vật gồm 02 cây búa, đầu búa bằng kim loại sơn màu đỏ kích thước 12,2cm x 4,8cm, cán búa bằng gỗ dài 35cm bề hoành 11cm và 01 cây xà beng bằng kim loại dài 58cm bề hoành 06cm, một đầu dẹp, một đầu cong dùng để nhổ đinh.

Tại Kết luận định giá tài sản số: x/KL-ĐGTS ngày 12/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của huyện L kết luận về giá tài sản: Mái tole kẽm là 888.000 đồng; Mái tole Fibroximăng là 853.000 đồng; Vách ngăn trái bằng tole kẽm sóng tròn là 500.000 đồng; Vách ngăn phía sau bằng ván gỗ là 255.000 đồng; Vách ngăn trong nhà bằng ván gỗ là 155.000 đồng; 04 ống khối dài 01m, đường kính ống 15cm là 84.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ước tính là 2.735.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: x/KL-ĐGTS ngày 18/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của huyện L kết luận về giá tài sản: Khung nhà bị tháo dỡ là 1.380.000 đồng; bếp nấu ăn là 2.205.000 đồng. Tổng giá trị tài sản ước tính là 3.585.000 đồng.

Tại Công văn số: x/UBND-TNMT ngày 17/7/2018 của UBND huyện L thể hiện: “Theo hồ sơ địa chính tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thì trình tự thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Nguyễn Duy N cho ông Lê Xuân T, hồ sơ gồm có: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Trích lục bản đồ địa chính; Tờ khai thuế thu nhập cá nhân; Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất; bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ghi tên Nguyễn Duy N (kèm theo hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ Nguyễn Duy N chuyển nhượng cho Lê Xuân T năm 2016). Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông N chuyển nhượng cho ông T là chuyển quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất”.

Bị hại Nguyễn Thị S yêu cầu bị cáo Lê Xuân T bồi thường toàn bộ giá trị tài sản bị thiệt hại là 6.320.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Duy N trình bày là anh N không có chuyển nhượng nhà và đất cho bị cáo T mà chỉ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của bị cáo T. Đồng thời xác định căn nhà bị cáo T thuê người tháo dỡ là tài sản của bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Thị Kim H

trình bày là chị H là người ở chung nhà với bà S từ lúc nhỏ và chỉ biết nhà, đất là của cha mẹ. Đồng thời xác định căn nhà bị cáo T thuê người tháo dỡ là tài sản của bà S.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: x/2019/HS-ST ngày 19/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân T phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ, về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/02/2019, bị cáo T kháng cáo xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T bổ sung kháng cáo, xin giảm hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Do bị cáo T nghĩ rằng tài sản mà bị cáo T đã hủy hoại là của bị cáo nhận chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu nên bị cáo T hủy hoại là không vi phạm pháp luật. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường thiệt hại số tiền 6.320.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị S xong; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo còn tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đang nuôi hai con nhỏ nhưng bản án sơ thẩm chưa xem xét các tình tiết này cho bị cáo T. Do bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm hình phạt cho bị cáo T, cho bị cáo T được hưởng án treo hoặc chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Xuân T phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Xét mức án 01 năm tù là phù hợp. Bị cáo T kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới nên không có căn cứ xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, bị cáo T phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp không cho hưởng án treo, do bị cáo T phạm tội nhiều lần nên tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng không được xem xét là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T trong vụ án này, tình tiết nuôi con

nhỏ không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định. Do đó căn cứ vào Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Xuân T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định vào các ngày 25/5/2018 và 12/7/2018 bị cáo T đã có hành vi thuê nhiều người ở thành phố S mang theo búa và xà beng 02 lần đến nhà bà Nguyễn Thị S tại số 30/2, ấp L, xã L2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để tháo dỡ, đập phá toàn bộ nhà sau (nhà bếp) của bà S làm hư hỏng nhiều tài sản với tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 6.320.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở khẳng định Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2019/HS-ST ngày 19/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã xét xử bị cáo Lê Xuân T về tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo T là người thành niên, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, trình độ học vấn 11/12, nhận thức rõ quy định của pháp luật, lẽ ra khi có tranh chấp liên quan đến quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L giải thích pháp luật về quyền khởi kiện vụ án, thì bị cáo phải biết tuân thủ quy định của pháp luật thực hiện quyền khởi kiện vụ án tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng bị cáo T đã không thực hiện, mà có hành vi thuê nhiều người mang theo công cụ đến căn nhà bị hại Nguyễn Thị S đang ở hủy hoại tài sản lần lượt vào các ngày 25/5/2018 và 12/7/2018 với giá trị tài sản bị thiệt hại tương ứng là 2.735.000 đồng và 3.585.000 đồng. Bị cáo T nhận thức được hành vi xâm phạm sở hữu về tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện việc bị cáo xem thường pháp luật. Do đó phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Khi lượng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T là phù hợp. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ. Xét thấy mức

án 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, đúng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo. Bị cáo T kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới làm căn cứ xem xét giảm hình phạt cho bị cáo; trong vụ án này bị cáo T hai lần phạm tội hủy hoại tài sản, mà tổng giá trị tài sản của các lần phạm tội là 6.320.000 đồng nên ngoài việc bị áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự, bị cáo T còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần và pháp luật quy định không cho hưởng án treo; cũng không có căn cứ xem xét chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo; mặc dù bị cáo T phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng lần phạm tội này không phải là phạm tội lần đầu nên không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; tình tiết nuôi con nhỏ không là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được pháp luật quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Căn cứ vào hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T có vợ là Tăng Minh H, sinh năm 1982 (đã ly thân) và có hai con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2015, nhưng bản án sơ thẩm không ghi nhận nội dung này là thiếu sót, nội dung này sẽ được Hội đồng xét xử phúc thẩm khắc phục trong bản án phúc thẩm. Vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo chưa phù hợp như đã phân tích trên, nên không được chấp nhận.

[6] Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Xuân T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T không được chấp nhận, nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Xuân T phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm g khoản 1 Điều 52 và điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo Lê Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ GD-KT 1);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- TAND - VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện L;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng GDKTNV-THA;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy Hằng